

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2023/HNGĐ-PT

Ngày: 28 - 4 - 2023

V/v ly hôn, chia tài sản chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Bá Lưu

Các Thẩm phán: Ông Trần Hữu Sỹ; Ông Nguyễn Văn Nghĩa

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Bá Tuấn Linh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình: Bà Lê Thị Ngọc Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 04/2023/TLPT-HNGĐ ngày 07/02/2023 về việc “ly hôn, chia tài sản chung của vợ chồng”.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 18/2022/HNGĐ-ST ngày 27/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 970/2023/QĐ-PT ngày 05/4/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Ph, sinh năm 1970; Địa chỉ: Thôn K 1, xã N, huyện N, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

Bị đơn: Anh Trần Văn D, sinh năm 1963, Địa chỉ: Thôn K 1, xã N, huyện N, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Mai Thị H, sinh năm 1941, địa chỉ: Thôn K 1, xã N, huyện N, tỉnh Quảng Bình. Có mặt

+ Anh Mai Quốc Tr, sinh năm 1987, địa chỉ: Thôn K 2, xã N, huyện N, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ vụ án và bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án như sau:

** Nguyên đơn chị Lê Thị Phượng trình bày:*

Về tình cảm: Chị và anh Trần Văn D tìm hiểu và kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Quảng Bình vào ngày 17/7/1992. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống cùng bố mẹ anh D tại thôn K 1, xã N, huyện N, tỉnh Quảng Bình. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2010 chị đi xuất khẩu lao động tại Nga. Sau khi chị sang Nga được vài năm thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là anh D thay đổi tính tình, vô tâm. Năm 2017 chị về nước để vun đắp tình cảm gia đình nhưng nhiều lần anh D đánh đập, uy hiếp tính mạng chị, bỏ bê gia đình, con cái. Xung đột vợ chồng ngày càng gay gắt, không thể dung hòa để sống chung được. Nay chị thấy tình cảm không còn nên đề nghị được ly hôn anh D.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Trần Ngọc H, sinh ngày 07/12/1992; Trần Thị Hồng V, sinh ngày 14/3/1999. Hiện các con đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Ph khai vợ chồng có thửa đất 231 diện tích 816m² do UBND huyện N cấp ngày 16/12/2011 mang tên Trần Văn D và Lê Thị Ph. Trên thửa đất có nhà ở 135m² xây dựng năm 2014, nhà gỗ, nhà bếp, 01 Tivi, 01 tủ lạnh, 01 máy giặt, 01 tủ áo quần, 01 bộ bàn ghế, 01 máy lọc nước (tuy nhiên tại Bản án số 08/2022/TCDS – ST ngày 29/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh đã tuyên bố việc tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà Mai Thị H với anh Trần Văn D, chị Lê Thị Ph tại thửa đất 231 diện tích 816m² do UBND huyện N cấp ngày 16/12/2011 mang tên Trần Văn D và Lê Thị Ph là vô hiệu. Do đó bà Mai Thị H có trách nhiệm giao tiền cho vợ chồng anh D, chị Ph số tiền theo định giá đối với tài sản trên đất 442.523.987 đồng); Thửa đất 453 diện tích 140m², địa chỉ thửa đất tại xã N, huyện N, tỉnh Quảng Bình do UBND huyện N cấp ngày 28/12/1996 mang tên Trần Văn D. Tổng giá trị tài sản chung là 797.241.575 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm chị Ph rút một phần yêu cầu chia tài sản đối với 01 Tivi, 01 tủ lạnh, 01 máy giặt, 01 tủ áo quần, 01 bộ bàn ghế. Chỉ yêu cầu chia tài sản chung số tiền giao giá trị tài sản từ bà Mai Thị H và thửa đất 453 diện tích 140m² do UBND huyện N cấp ngày 28/12/1996 mang tên Trần Văn D. Nguyên vọng của chị xin nhận thửa đất 453 diện tích 140m² do UBND huyện N cấp ngày 28/12/1996 mang tên Trần Văn D, số tiền 442.523.887 đồng từ bà Mai Thị H giao giá trị tài sản theo Bản án số 08/2022/TCDS-ST ngày 29/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện N giao cho anh D.

** Bị đơn anh Trần Văn D trình bày:*

Về tình cảm: Nhất trí quá trình tìm hiểu và kết hôn mà chị Ph trình bày. Tuy nhiên mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ đầu năm 2020, do chị Ph đi làm ăn ở nước ngoài về thay đổi tính tình, đối xử với người thân trong gia đình không ra gì. Nay chị Ph xin ly hôn anh cũng nhất trí.

Về con chung: Thống nhất như trình bày của chị Ph, vợ chồng có 02 con chung tên Trần Ngọc H, sinh ngày 07/12/1992; Trần Thị Hồng V, sinh ngày 14/3/1999, hiện các cháu đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Thống nhất vợ chồng có tài sản là thửa đất số 453, tờ bản đồ số 3, có diện tích 140m² địa chỉ thửa đất tại xã N, huyện N, tỉnh Quảng Bình, do Ủy ban nhân dân huyện cấp ngày 28/12/1996 mang tên Trần Văn D; số tiền 442.523.887 đồng từ bà Mai Thị H giao giá trị tài sản theo Bản án số 08/2022/TCDS-ST ngày 29/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện N. Nguyên vọng của anh D là tất cả tài sản của vợ chồng đều cho con.

* Đối với khoản nợ chung của vợ chồng tại Ngân hàng N, quá trình giải quyết ở cấp sơ thẩm anh D chị Ph đã thực hiện xong nghĩa vụ nên Ngân hàng đã rút đơn và Tòa án đã đình chỉ xét xử.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Mai Thị H trình bày: Nguồn gốc thửa đất 231 diện tích 816m² do UBND huyện N cấp ngày 16/12/2011 mang tên Trần Văn D và Lê Thị Ph là của bà. Đối với số tiền 442.523.887 đồng buộc bà giao giá trị tài sản theo Bản án số 08/2022/TCDS-ST ngày 29/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh cho vợ chồng chị Ph, anh D bà không có.

- Anh Mai Quốc Tr trình bày: Năm 2014 anh có mượn đất của anh Trần Văn D để làm ăn đến nay. Anh có xây dựng trên thửa đất và làm nhà quán cấp 4 khoảng 120m² trị giá 150.000.000 đồng. Nếu anh D, chị Ph có ly hôn và chia tài sản, đòi lại đất thì tài sản trên đất anh sẽ tháo dỡ, trả lại mặt bằng, không yêu cầu bồi thường về tài sản trên đất.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 18/2022/HNGĐ-ST ngày 27/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình đã quyết định:

Căn cứ Điều 33, 38 khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 59, 60, 62 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 28, 35, 39, 147, 165, 235, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, 468 Bộ luật dân sự khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Lê Thị Ph, xử cho chị Lê Thị Ph được ly hôn với anh Trần Văn D.

2. Về quan hệ con chung: Chị Lê Thị Ph và anh Trần Văn D thống nhất: Vợ chồng có 02 con chung tên Trần Ngọc H, sinh ngày 07/12/1992; Trần Thị Hồng V, sinh ngày 14/3/1999, hiện các cháu đã trưởng thành (trên 18 tuổi) không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về quan hệ tài sản chung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung của chị Lê Thị Ph.

- Giao cho chị Lê Thị Ph sử dụng thửa đất số 453, tờ bản đồ số 3, có diện tích 140m². Địa chỉ thửa đất: xã N, huyện N, tỉnh Quảng Bình, do Ủy ban nhân dân huyện N cấp ngày 28/12/1996 mang tên ông Trần Văn D trị giá là 22.820.000 đồng (Hai mươi hai triệu tám trăm hai mươi ngàn đồng)

- Giao cho anh Trần Văn D được nhận số tiền 442.523.887 đồng (Bốn trăm bốn mươi hai triệu, năm trăm hai mươi ba ngàn tám trăm tám mươi bảy đồng) từ bà Mai Thị H theo Bản án số 08/2022/TCDS-ST ngày 29/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.

- Đình chỉ xét xử đối với các tài sản sau: 01 Tivi, 01 tủ lạnh, 01 máy giặt, 01 tủ áo quần, 01 bộ bàn ghế.

- Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu trả nợ do Ngân hàng N rút yêu cầu khởi kiện.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và tuyên quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Ngày 28/12/2022 anh Trần Văn D có đơn kháng cáo với nội dung: Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh lồng ghép vụ án tranh chấp đất giữa bà Mai Thị H với vụ án ly hôn của anh là không đúng. Anh đề nghị chia đôi thửa đất số 453, tờ bản đồ số 3, có diện tích 140m², địa chỉ thửa đất tại xã N, huyện N, tỉnh Quảng Bình do Ủy ban nhân dân huyện N cấp ngày 28/12/1996 mang tên ông Trần Văn D, chia đôi số tiền 442.523.887 đồng.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn chị Lê Thị Ph vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện anh Trần Văn D giữ nguyên kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được nội dung giải quyết vụ án.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình:

- + Về tố tụng: Trong quá trình tiến hành tố tụng, giải quyết vụ án người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

- + Về nội dung vụ án: Không chấp nhận nội dung kháng cáo của anh Trần Văn D, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Về án phí giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Thẩm quyền giải quyết, người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, giải quyết, thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Đơn kháng cáo của anh Trần Văn D hợp lệ, trong hạn luật định nên căn cứ Điều 272, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Xét các nội dung kháng cáo của anh Trần Văn D, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ cũng như lời trình bày của anh D, chị Ph tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm thống nhất tài sản chung yêu cầu chia gồm thửa đất 453 diện tích 140m², địa chỉ thửa đất tại thôn K 1, xã N, huyện N, tỉnh Quảng Bình do UBND huyện N cấp ngày 28/12/1996 mang tên Trần Văn D; Thửa đất 231 diện tích 816m², địa chỉ thửa đất tại thôn K 1, xã N, huyện N, tỉnh Quảng Bình do UBND huyện N cấp ngày 16/12/2011 mang tên Trần Văn D và Lê Thị Ph (trên thửa đất có nhà ở 135m² xây dựng năm 2014, nhà gỗ, nhà bếp). Tuy nhiên tại Bản án sơ thẩm số 08/2022/TCDS-ST ngày 29/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình đã tuyên bố việc tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà Mai Thị H với anh Trần Văn D, chị Lê Thị Ph tại thửa đất 231 diện tích 816m² do UBND huyện N cấp ngày 16/12/2011 mang tên Trần Văn D và Lê Thị Ph là vô hiệu. Anh D, chị Ph phải trả lại đất cho bà Mai Thị H, bà Mai Thị H có trách nhiệm giao giá trị tài sản trên đất cho anh D, chị Ph số tiền theo Hội đồng định giá 442.523.987 đồng.

Do đó số tiền 442.523.987 đồng mà bà Mai Thị H có trách nhiệm giao cho anh D, chị Ph giá trị tài sản trên thửa đất số 231 được xác định là tài sản chung của vợ chồng anh D, chị Ph được tạo lập trong thời kì hôn nhân. Sau khi bản án sơ thẩm số 08/2022/TCDS-ST ngày 29/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình có hiệu lực pháp luật bà Mai Thị H không thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho vợ chồng anh D, chị Ph nên khi giải quyết vụ án ly hôn, chia tài sản chung giữa anh D và chị Ph Tòa án cấp sơ thẩm đã đưa số tiền này vào giải quyết trong vụ án là đúng. Quá trình giải quyết vụ án bà H cho rằng bà không có tiền nên không chấp nhận trả số tiền trên cho anh D, chị Ph nên tòa án cấp sơ thẩm xử giao cho anh D (con bà H) nhận số tiền trên là hợp lý.

Về yêu cầu chia đôi thửa đất số 453, tờ bản đồ số 3, có diện tích 140m², địa chỉ thửa đất tại xã N, huyện N, tỉnh Quảng Bình do Ủy ban nhân dân huyện N cấp ngày 28/12/1996 mang tên anh Trần Văn D: Theo yêu cầu của các đương sự, Tòa án cấp sơ thẩm đã thành lập hội đồng thẩm định và định giá (đương sự không yêu cầu định giá tài sản trên đất), theo đó giá trị thửa đất được định giá theo giá của UBND tỉnh về quy định mức bồi thường thiệt hại về nhà, công trình xây dựng trên đất khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh mà không tiến hành định giá theo giá thị trường để phân chia là trái quy định. Sau khi xét xử sơ thẩm các đương sự không kháng cáo, không có kháng nghị về nội dung này, tại phiên tòa phúc thẩm anh D, chị Ph thống nhất giá như Hội đồng thẩm định nên công nhận ý kiến của anh chị. Xét điều kiện hiện nay anh D đang sống cùng mẹ là bà Mai Thị H trong ngôi nhà của vợ chồng anh D, chị Ph xây dựng (giá trị ngôi nhà 442.523.987 đồng mà bà H có nghĩa vụ giao cho anh D, chị Ph). Trong khi đó chị Ph là phụ nữ, tuổi đã lớn nhưng chưa có chỗ ở ổn định, chị Ph chấp nhận giao số tiền nhận từ bà Mai Thị H cho anh D có giá trị lớn hơn số tài sản chị được nhận. Xét thấy án sơ thẩm phân chia như vậy là phù hợp do đó không có căn cứ chấp nhận nội dung kháng cáo này của anh D. Tuy nhiên cấp sơ thẩm giao quyền sử dụng đất cho chị Ph được sử dụng nhưng trên đất có nhà quán và các công trình khác do anh Mai Quốc Tr xây dựng nhưng không buộc tháo dỡ là không đúng. Theo lời khai của anh Mai Quốc Tr thừa nhận có mượn đất của anh D, chị Ph để làm ăn, nếu anh D, chị Ph ly hôn và chia tài sản, đòi lại đất thì anh sẽ tháo dỡ, trả lại mặt bằng và không yêu cầu bồi thường về tài sản trên đất. Do đó buộc anh Mai Quốc Tr phải tháo dỡ toàn bộ tài sản, công trình trên thửa đất đã giao cho chị Ph sử dụng khi có yêu cầu, chi phí tháo dỡ anh Mai Quốc Tr phải chịu.

[3]. Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên anh Trần Văn D phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 33, 38 khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 59, 60, 62 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 28, 35, 39, 147, 165, 235, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí lệ phí Tòa án, xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của anh Trần Văn D, giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 18/2022/HNGĐ-ST ngày 27/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.

2. Buộc anh Mai Quốc Tr phải tháo dỡ toàn bộ tài sản, công trình trên thửa đất số 453, tờ bản đồ số 3, có diện tích 140m², địa chỉ thửa đất tại xã N, huyện N, tỉnh Quảng Bình trả lại đất cho chị Lê Thị Ph khi có yêu cầu. Chi phí cho việc tháo dỡ các công trình và tài sản trên thửa đất anh Mai Quốc Tr phải chịu.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án anh Trần Văn D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004010 ngày 03/01/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm một khoản tiền lãi đối với số tiền còn chưa thi hành theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh QB;
- TAND huyện Quảng Ninh;
- Chi cục THADS huyện Quảng Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Võ Bá Lưu